

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọng;
2. Ông Võ Cao Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1971; thường trú: Tổ MH, khu phố T Ph 1, phường T B, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Sơn Thanh Đ, sinh năm 1971; thường trú: Ấp Th H Đ A, xã Ph T, huyện M T, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: Số 55/3A khu phố N H 1, phường B A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Hương trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Sơn Thanh Đ sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph T, huyện M T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, quyển số I/2007, cấp ngày 01/8/2007. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại số 55/3A khu phố N H 1, phường B A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông Đ không chú tâm làm ăn và hiện tại vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Sơn Ngọc Tú O, sinh ngày 22/9/2008. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Sơn Thanh Đ:* Tòa án đã triệu tập họp lệ để cung cấp bản tự khai ngày 13/4/2020, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/5/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 23/6/2020 và ngày 13/7/2020 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ do Tòa án tiến hành ngày 13/4/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Bà H và ông Đ trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án bà H không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 23/6/2020 và ngày 13/7/2020 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007 bà Trần Thị H và ông Sơn Thanh Đ tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph T, huyện M T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, quyển số I/2007, cấp ngày 01/8/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn xác

định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông Điền không chú tâm làm ăn và hiện tại vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, làm cho không khí gia đình ngột ngạt nên tình cảm của nguyên đơn giành cho bị đơn cũng phai nhạt dần. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà H và ông Đ. Do, đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Sơn Ngọc Tú O, sinh ngày 22/9/2008. Hiện con chung đang ở cùng với mẹ, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù đã được Tòa án niêm yết các văn bản có nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì. Căn cứ vào lời khai của cháu O mong muốn được sống chung cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy, cháu O từ nhỏ đến nay sống chung với mẹ và vẫn phát triển tốt. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu ông Sơn Thanh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà H.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 227, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Sơn Thanh Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Sơn Thanh Đ.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, quyển số I/2007 do Ủy ban nhân dân xã Ph T, huyện M T, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/8/2007).

Về con chung: Ông Sơn Thanh Đ giao con chung tên Sơn Ngọc Tú O, sinh ngày 22/9/2008 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H không yêu cầu ông Sơn Thanh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn bà Trần Thị H và ông Sơn Thanh Đ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị H phải tạo điều kiện cho ông Sơn Thanh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040184 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- UBND xã Phú Tâm (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công